| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 10 - NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **130**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12/ 8/ 2026
*"V/v Ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Hà Văn Đông.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Phan Bá Lịch.
2/ Ông Vi Ngọc Hùng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lò Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tham gia phiên tòa***: Bà Vi Thị Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2026/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2026 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Viết N**, sinh năm: 1974.
Số định danh công dân: 040074017988.
Địa chỉ: Xóm B, xã Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Chị **Trương Thị B**, sinh năm: 1979.
Số định danh công dân: 040179022764.
Địa chỉ: Xóm T (xóm S cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2026 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Viết N trình bày:

Anh Nguyễn Viết N đăng ký kết hôn với chị Trương Thị B vào ngày 25/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q cũ (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An). Sau thời gian đầu cuộc sống chung giữa hai bên hòa hợp bình thường, đến những năm gần đây do có những quan điểm về xây dựng hạnh phúc gia đình khác biệt nhau dẫn tới nảy sinh nhiều mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có niềm tin lẫn nhau, có những hành vi và lời nói làm tổn thương tình cảm, không còn sự tôn trọng, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc. Anh N đã sống ly thân với chị B, tuy đã nhiều lần cố gắng hòa

giải để hàn gắn nhưng không thành, đến nay anh N xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Trương Thị B.

Về con chung: Giữa anh N và chị B không có con chung với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Viết N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trương Thị B: Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, cũng như giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn, chị B có mặt tham gia giải quyết vụ án lần đầu nhưng từ chối trình bày ý kiến, viết bản tự khai theo yêu cầu, trong những lần triệu tập làm việc tiếp theo chị B vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án xem xét theo yêu cầu, qua xác minh chị B vẫn đang cư trú và có mặt địa chỉ thường trú ở xóm T (xóm S cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, nhưng sau khi nhận được các văn bản tố tụng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó vụ án được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu nên Tòa án tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

Bị đơn chị B xác nhận, trong thời gian chung sống cùng nhau giữa nguyên đơn và bị đơn không có con chung. Bị đơn không hợp tác viết bản khai, trình bày ý kiến về những vấn đề liên quan đến tranh chấp giữa hai bên theo yêu cầu của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Nghệ An tại phiên tòa: Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có mặt tham gia giải quyết trong lần đầu, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn được tống đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó xem xét áp dụng quy định pháp luật xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định.

Đề nghị áp dụng các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Viết N được ly hôn chị Trương Thị B.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, bị đơn không có ý kiến phản hồi do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Viết N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với bị đơn chị Trương Thị B, hai bên không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp "Ly hôn".

[1.1] Sau khi xác minh tại địa phương, xem xét tài liệu, chứng cứ cung cấp có trong hồ sơ xác định bị đơn chị Trương Thị B có địa chỉ đăng ký thường trú tại xóm T (xóm S cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra không có thông tin về việc bị đơn đăng ký tạm trú, cư trú hoặc làm việc tại địa chỉ khác, căn cứ quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung). Vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Nghệ An là đúng quy định.

[1.2] Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, không có mặt tiếp tục tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu cũng như không có ý kiến phản hồi để Tòa án xem xét theo quy định. Căn cứ hướng dẫn theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cùng văn bản pháp luật liên quan, xác định vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu, do đó Tòa án tiếp tục tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định, cố tình vắng mặt, không gửi văn bản phản hồi ý kiến để Tòa án xem xét, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh và lời khai của đương sự cung cấp xác định, anh Nguyễn Viết N và chị Trương Thị B đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 25/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q cũ (Sau sắp xếp, sáp nhập nay là UBND

xã Q, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân giữa hai bên hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo về điều kiện kết hôn, thủ tục đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân giữa hai bên được công nhận hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, thời gian sau này bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không còn chung tiếng nói, quan điểm xây dựng hạnh phúc gia đình, dẫn đến xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn sự quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án và xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng nhận thấy, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, nguyên đơn kiên quyết giữ nguyên ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn, bị đơn không có ý kiến phản hồi. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Viết N cho ly hôn đối với chị Trương Thị B.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Bị đơn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi của mình đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng để làm căn cứ xem xét giải quyết. Xét thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước hoặc với bên thứ ba, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Phần tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chưa được giải quyết (nếu có), sau này nếu xảy ra tranh chấp hai bên có quyền tự thỏa thuận giải quyết hoặc có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết N được ly hôn chị Trương Thị B.

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Viết N chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0003170 ngày 28/4/2026 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND khu vực 10 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Hà Văn Đông**